

 mẹ	 bố	un père Anh ấy rất yêu bố mình. Il aime beaucoup son père. Leçon 131 · Famille et amis	une mère Chúng tôi rất yêu mẹ của mình. Nous aimons beaucoup notre mère. Leçon 131 · Famille et amis
 bố mẹ	 anh trai	un frère Anh trai của bạn cũng đi à? Ton frère part aussi ? Leçon 131 · Famille et amis	un parent Gia đình đó có bố mẹ rất yêu thương con cái. Cette famille a des parents aimants. Leçon 131 · Famille et amis
 chị gái	 con trai	un fils Bà ấy rất yêu đứa con trai duy nhất của mình. Elle aime son fils unique. Leçon 131 · Famille et amis	une sœur Tôi có một người chị gái rất tuyệt vời. J'ai une super sœur. Leçon 131 · Famille et amis
 con gái	 chồng	un mari Đó là người chồng yêu thương của cô ấy. C'est son mari aimant. Leçon 131 · Famille et amis	une fille Ông ấy rất yêu cô con gái duy nhất của mình. Il aime sa fille unique. Leçon 131 · Famille et amis

**vợ****đối tác****hàng xóm****bạn****bà****ông****ông bà****chú****un partenaire**

Chúng tôi có một đối tác tốt.
On a un bon partenaire.

Leçon 131 · Famille et amis

une femme

Bạn gặp vợ mình như thế nào?
Comment as-tu rencontré ta femme ?

Leçon 131 · Famille et amis

un ami

Cô ấy hiện có một người bạn tốt.
Elle a une bonne amie maintenant.

Leçon 131 · Famille et amis

un voisin

Hàng xóm của tôi có một con chó thân thiện.
Mon voisin a un chien sympa.

Leçon 131 · Famille et amis

un grand-père

Anh ấy rất yêu quý ông của mình.
Il aime beaucoup son grand-père.

Leçon 132 · Famille élargie et relations

une grand-mère

Đó là vườn của bà cô ấy.
C'est le jardin de sa grand-mère.

Leçon 132 · Famille élargie et relations

un oncle

Chú của bạn có phải cũng đến từ Canada không?
Est-ce que ton oncle est aussi du Canada ?

Leçon 132 · Famille élargie et relations

les grands-parents

Chúng tôi thường xuyên đến thăm ông bà.
Nous rendons souvent visite à nos grands-parents.

Leçon 132 · Famille élargie et relations

 dì	 anh chị em họ	un cousin Cô ấy có một người anh chị em họ đang đi học. Elle a un cousin à l'école. Leçon 132 · Famille élargie et relations	une tante Dì tôi làm bánh quy rất ngon. Ma tante fait de bons biscuits. Leçon 132 · Famille élargie et relations
 cháu gái	 họ hàng	un parent Họ hàng của tôi sống ở rất xa. Mon parent vit loin. Leçon 132 · Famille élargie et relations	une nièce Cô bé đó là cháu gái của tôi. Cette fille est ma nièce. Leçon 132 · Famille élargie et relations
 bạn trai	 bạn gái	une copine Đây là loài hoa yêu thích của bạn gái tôi. C'est la fleur préférée de ma copine. Leçon 132 · Famille élargie et relations	un petit ami Bạn trai tôi muốn ngồi đối diện với tôi. Mon petit ami veut s'asseoir en face de moi. Leçon 132 · Famille élargie et relations
 người thân bên chồng/vợ	 cháu trai	un neveu Anh ấy rất yêu quý đứa cháu trai nhỏ của mình. Il aime son petit neveu. Leçon 132 · Famille élargie et relations	un membre de la belle-famille Cô ấy quý người thân bên chồng mới của mình. Elle aime son nouveau membre de la belle-famille. Leçon 132 · Famille élargie et relations

 gia đình	 trẻ em	un enfant Trẻ em uống nước. L'enfant boit de l'eau. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	une famille Tôi yêu gia đình của mình. J'aime ma famille. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes
 cha dượng	 cháu gái	une petite-fille Bà ôm cháu gái của mình. Elle a serré sa petite-fille dans ses bras. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	un beau-père Tôi sống với cha dượng của mình. Je vis avec mon beau-père. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes
 cháu trai	 kết hôn	marié Chị gái tôi đã kết hôn. Ma sœur est mariée. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	un petit-fils Người đàn ông rất yêu quý cháu trai của mình. L'homme adore son petit-fils. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes
 họ	 sinh đôi	un jumeau Cô ấy rất yêu người chị em sinh đôi của mình. Elle adore son jumeau. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	un nom de famille Tôi quên mất họ của anh ấy rồi. J'ai oublié son nom de famille. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes

 độc thân	 anh chị em	un frère ou sœur Tôi có một anh chị em. J'ai un frère. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	célibataire Anh trai tôi còn độc thân. Mon frère est célibataire. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes
 con một	 thế hệ	une génération Chúng tôi dạy dỗ thế hệ tiếp theo. Nous enseignons à la prochaine génération. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes	un enfant unique Cậu bé là con một. Le garçon est un enfant unique. Leçon 133 · Famille — Rôles et grandes étapes